

Bản án số: 218/2021/HC-PT

Ngày: 27 - 10 - 2021

V/v: “*Yêu cầu hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Võ Ngọc Thông;
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Vũ Thanh Liêm; Ông Nguyễn Tấn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Lê Phước Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 155/2021/TLPT-HC ngày 22 tháng 02 năm 2021, về việc “*Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 193/2021/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị T; Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Anh Ngô Tuấn V2; Địa chỉ: Thôn X, xã V, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện V1.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Hồng P – Phó Chủ tịch UBND huyện V1. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số 469 đường H, thị trấn V3, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn B;
- Bà Trần Thị Thu T1;

Cùng địa chỉ: Thôn P1, xã D, huyện D1, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà T1: Ông Nguyễn Kim H2; Địa chỉ: TDP 11, thị trấn V3, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa (Văn bản ủy quyền ngày 07/5/2019).

- Ông Nguyễn Kim H2; Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: TDP 11, thị trấn V3, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa.

- Ủy ban nhân dân xã V, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa. Có Đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Trần Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, sổ vào sổ cấp GCN: CH12595 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện V1 cấp ngày 17/5/2018 cho ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1 và trình bày:

Năm 1977, gia đình bà Trần Thị T khai hoang đất để sản xuất, trong đó có thửa đất diện tích 1.737m² tại thôn X, xã V, huyện V1, nay là thôn X, xã V, huyện V1, có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Dương Văn H3, tây giáp đường hương lộ, nam giáp ruộng của gia đình bà T, bắc giáp đất hoang gò mả. Sau khi khai hoang, gia đình bà trồng lúa và hoa màu từ đó đến nay. Tháng 4 năm 2018, bà T đi đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này thì biết được thửa đất gia đình bà đang sử dụng nằm trong thửa đất số 42, tờ bản đồ số 36, diện tích hơn 9.000m² đã được UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1 ngày 17/5/2018. Việc UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà T1 chồng lấn lên thửa đất gia đình bà đang sử dụng là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Kèm theo đơn khởi kiện, bà T đã giao nộp cho Tòa các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản photo: Giấy tiếp nhận và hẹn trả kết quả ngày 10/4/2018 của UBND huyện V1, Trích lục bản đồ địa chính thửa 238, tờ bản đồ số 36, Bản sao: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, sổ vào sổ cấp GCN: CH12595 do Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện V1 cấp ngày 17/5/2018 cho ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1, Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu gia đình bà Trần Thị T, Bản chính: Văn bản ngày 21/11/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai Khánh Hòa chi nhánh V1, Biên bản hòa giải ngày 23/8/2018 tại UBND xã V.

Tại Văn bản số 758/UBND-TNMT ngày 09/4/2019 và Văn bản số 1986/UBND ngày 21/8/2019, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Theo Phiếu lấy ý kiến khu dân cư do UBND xã V xác nhận thì thửa đất số 42, tờ bản đồ số 36, diện tích 9.028,4m² mà UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, số vào sổ cấp GCN: CH12595 ngày 17/5/2018 cho ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1 có nguồn gốc là đất ông Dương Văn H3 và bà Nguyễn Thị S nhận tặng cho từ cha mẹ năm 1992 không có giấy tờ, sử dụng ổn định đến năm 2001 thì ông H3, bà S chuyển nhượng lại cho ông B, bà T1. Theo ý kiến thẩm tra của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai V1 thì thửa đất số 42, tờ bản đồ số 36 này là loại đất trồng cây hàng năm, thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/7/2064 đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 1 Điều 82 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Vì vậy, yêu cầu của người khởi kiện là không có căn cứ.

Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Nguyễn B, bà Trần Thị Thu T1 và ông Nguyễn Kim H2 là người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà T1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 36, diện tích 9.028,4m², loại đất trồng cây hàng năm tại thôn X, xã V, huyện V1 mà ông B, bà T1 được UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, số vào sổ cấp GCN: CH12595 ngày 17/5/2018 là do vợ chồng ông Dương Văn H3 và bà Nguyễn Thị S chuyển nhượng cho vợ chồng ông B, bà T1 vào ngày 01/4/2001 có làm giấy viết tay được UBND xã V xác nhận ngày 08/5/2001. Sau khi nhận chuyển nhượng, vợ chồng ông B, bà T1 sử dụng để nuôi tôm từ đó đến nay. Năm 2018, vợ chồng ông B đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, số vào sổ cấp GCN: CH12595 ngày 17/5/2018. Vào khoảng tháng 8 năm 2018, bà T tự ý đến rào khoảng 3000m² đất trên diện tích đất ông B, bà T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông B, bà T1 đã nhiều lần yêu cầu bà T tháo dỡ hàng rào trả lại đất nhưng bà T không làm. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà T1 của UBND huyện V1 là đúng quy định pháp luật nên ông B, bà T1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngoài ra, ông Nguyễn Kim H2 còn trình bày: Theo bà T thì ông có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này vì ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 42, tờ bản đồ số 36 từ vợ, chồng ông B nhưng bà T không có giấy tờ gì để chứng minh điều này, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, số vào sổ cấp GCN: CH12595 ngày 17/5/2018 hiện nay vẫn đứng tên ông B, bà T1 và không có phần nội dung chỉnh lý sang tên cho ông. Vì vậy, ông không liên quan gì đến thửa đất này.

Ông Đoàn Minh H4 trình bày: Theo ông biết thì sau ngày giải phóng bà Trần Thị T phục hóa thửa đất để trồng hoa màu có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Dương Văn H3, tây trước đây giáp núi bây giờ giáp đường nhựa do Trung tâm III làm, nam giáp đất bà Trần Thị T, bắc giáp đất ông Dương Văn H3. Trên thửa đất này có căn nhà tranh bà Trần Thị Thương chị bà T ở. Theo ông Hải, bà T rào phần diện tích đất của bà là đúng.

Ông Trần Quốc L trình bày: Ông được biết bà T đã canh tác trên mảnh đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Dương Văn H3, tây giáp núi, nam giáp ruộng bà T, bắc giáp đất ông Dương Văn H3. Trong thời gian canh tác trên mảnh đất này, bà T có xây một căn nhà.

Ông Phạm T3 trình bày: Sau ngày giải phóng ông thấy bà T sử dụng thửa đất mà hiện nay bà đang tranh chấp. Thửa đất này có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Dương Văn H3, tây giáp núi nhưng nay là con đường nhựa, nam giáp ruộng bà T, bắc giáp đất ông Dương Văn H3. Vào năm 1979 có bà Trần Thị Thương là chị bà T đến xây nhà ở trên thửa đất này, sau 02 năm thì trả lại đất cho bà T.

Ông Trần Văn Y trình bày: Ông và bà T là con chú bác ruột với nhau. Tháng 8 năm 1975 ông về sinh sống tại xã V, huyện V1 đến nay. Ông có canh tác hai đám ruộng gần sát với ruộng của ông Dương Văn H3, bên cạnh đất ông H3 có một đám đất hoang, đám đất hoang này của ai và diện tích bao nhiêu thì ông không biết.

Bà Đoàn Thị L1 trình bày: Bà là người dân có nhà ở gần đất canh tác của bà Trần Thị T đang tranh chấp. Bà biết được thửa đất đang tranh chấp bà Trần Thị T đã canh tác từ sau giải phóng trở về sau này, có đông, tây tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Dương Văn H3, nam giáp ruộng bà Trần Thị T, tây giáp đất núi, bắc giáp đất ông Dương Văn H3. Trong thời gian canh tác bà T có xây nhà ở trên thửa đất này.

Ông Đặng Văn K trình bày: Ông là người có nhà ở gần đất bà Trần Thị T đang tranh chấp. Ông xác nhận chồng bà Đoàn Thị L1 có bán lại một căn nhà cho chị ruột bà T, sát ngay đất bà T, bà T ở trên đất từ sau giải phóng, canh tác làm ăn cho đến sau này.

Bà Phan Thị L1 trình bày: Bà là người dân ở gần đất canh tác của bà Trần Thị T đang tranh chấp. Theo bà được biết thì bà Trần Thị T đã canh tác thửa đất này từ năm 1976 trở về sau. Thửa đất có đông, tây tứ cận như sau: Đông giáp đất ông Dương Văn H3, nam giáp ruộng bà Trần Thị T, tây giáp đất núi, bắc giáp đất ông Dương Văn H3. Trong thời gian canh tác bà T có xây nhà ở trên thửa đất này.

Bà Nguyễn Thị S trình bày: Vào năm 2001, bà và chồng bà là ông Dương Văn H3 có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1

một thửa đất ruộng có diện tích 12.000m² tại thôn X (cũ) nay là thôn X, xã V, V1. Việc chuyển nhượng có làm giấy viết tay và được UBND xã V xác nhận. Nguồn gốc thửa đất này của cha ông bà để lại. Vợ, chồng bà sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai. Chồng bà đã chết năm 2003.

Ông Dương Trí Đ: là con của ông Dương Văn H3 và bà Nguyễn Thị S đồng ý với trình bày của bà S.

Tại Biên bản xác minh ngày 11/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, UBND xã V trả lời: Theo Sổ mục kê của xã V lập năm 1996 thì các thửa đất số 339, 340, 341, 342, 344, 345, 346, 347, 350, 351 tờ bản đồ số 30 bản đồ địa chính xã V năm 1996 tương ứng với thửa đất số 42 tờ bản đồ số 36 bản đồ Vlap năm 2011 do ông Dương Văn H3 kê khai, sử dụng. Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 36, diện tích 9.028,4m² được UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, số vào sổ cấp GCN: CH12595 ngày 17/5/2018 cho ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1 trên cơ sở xác nhận của UBND xã V. Bà Trần Thị T đăng ký, kê khai thửa đất số 348 và 349 trong Sổ mục kê năm 1996. Hai thửa đất này không nằm trong thửa 42, tờ bản đồ số 36 mà UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà T1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Bác đơn khởi kiện của bà Trần Thị T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, số vào sổ cấp GCN: CH12595 ngày 17/5/2018 đối với thửa đất số 42 tờ bản đồ số 36 do UBND huyện V1 cấp cho ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo, thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/9/2019, người khởi kiện bà Trần Thị T kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 09 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay:

Bà Trần Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khởi kiện.

Ý kiến của ông Ngô Tuấn V2 đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị T: Trình bày cho rằng diện tích 1.737m² mà UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 42 tờ bản đồ số 36 trong diện tích 9.028m² cho ông B và bà T1 là phần đất thuộc quyền sử dụng của bà. Gia đình bà đã khai hoang canh tác từ năm 1977 dùng để trồng cây màu; việc sử dụng đất của bà có nhiều nhân chứng xác nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa bản án sơ thẩm, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, số vào sổ cấp

GCN: CH12595 ngày 17/5/2018 do Ủy ban nhân dân huyện V1 cấp cho ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1.

Ý kiến của bà Trần Thị T: Thông nhất như ý kiến của ông Ngô Tuấn V2.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Bà Trần Thị T kháng cáo nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì mới để bảo vệ quyền lợi của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có Đơn xin xét xử vắng mặt; hơn nữa đây là phiên tòa phúc thẩm đã được triệu tập hợp lệ lần thứ ba; do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo qui định pháp luật.

[2] Về hình thức và thẩm quyền ban hành văn bản: Quyết định hành chính của UBND huyện V1 đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, số vào sổ cấp GCN: CH12595 ngày 17/5/2018 cho ông Nguyễn B, bà Trần Thị Thu T1 là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền ban hành văn bản hành chính theo Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của chính phủ “*Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai*”. Đồng thời, đương sự không cáo phần này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện V1 cấp cho ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1. Xét thấy, về nguồn gốc thửa đất bà Trần Thị T đang khiếu kiện tại Thửa đất số 42 tờ bản đồ số 36 UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà T1 có nguồn gốc trước đây của ông Dương Văn H3, bà Nguyễn Thị S. Theo Sổ mục kê địa chính của xã V năm 1996 thể hiện, ông H3 bà S kê khai gồm các thửa 339, 340, 341, 342, 343, 344, 351, 350, 346 và 347 tờ bản đồ số 30 (nay là thửa số 42 tờ bản đồ số 36), diện tích 9.028,4m². Đến ngày 01/4/2001 ông H3, bà S chuyển nhượng cho ông B, bà T1 được UBND V xác nhận ngày 08/5/2001. Đến ngày 05/01/2018 ông B, bà T1 xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; ngày

11/01/2018, Hội đồng xét duyệt của UBND xã V họp xét thống nhất đề nghị UBND huyện V1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông B và T1. Ngày 17/5/2018 UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, số vào sổ cấp GCN CH12595 đối với thửa đất nêu trên cho ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1. UBND xã đã thực hiện niêm yết công khai theo qui định (có kèm danh sách được cấp sổ).

[4] Đối với yêu cầu kháng cáo và khởi kiện Bà Trần Thị T trình bày cho rằng diện tích 1.737m² mà UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 42 tờ bản đồ số 36 trong diện tích 9.028m² cho ông B và bà T1 là phần đất thuộc quyền sử dụng của bà, bà đã khai hoang canh tác từ năm 1977; việc sử dụng đất của bà có nhiều nhân chứng xác nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng bà T không thực hiện kê khai, đăng ký với UBND xã V; ngoài ra bà không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của mình. Đối chiếu với Sổ mục kê năm 1996 tại UBND xã V, thì thấy bà T chỉ đăng ký, kê khai thửa đất số 348 và 349 nhưng hai thửa đất này không nằm trong thửa 42, tờ bản đồ số 36 mà UBND huyện V1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B, bà T1; trong khi đó diện tích đất 1.737m² mà bà đang khiếu kiện nằm liền kề với 2 thửa đất số 348 và 349 của bà T nhưng bà lại không tiến hành đăng ký, kê khai. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T là có căn cứ.

[5] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Trần Thị T kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới ngoài những tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm có tại hồ sơ vụ án nên không có căn cứ chấp nhận; ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[6] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính.

Áp dụng Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác kháng cáo của bà Trần Thị T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 12/2019/HC-ST ngày 09/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

2. Bác Đơn khởi kiện của bà Trần Thị T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 479922, sổ vào sổ cấp GCN: CH12595 ngày 17/5/2018 đối với thửa đất số 42 tờ bản đồ số 36 do Ủy ban nhân dân huyện V1 cấp cho ông Nguyễn B và bà Trần Thị Thu T1.

3. Về án phí: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000đ án phí hành chính sơ thẩm và 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000824 ngày 19/3/2019, số 0001039 ngày 04/11/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Lưu trữ, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thông